

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TGTH4+TGTH1	7:25	13+3+2	0+0+0		11+1+5	0+0+0	
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		CTK3+TD1+P7	7:25	13+9+0	0+0+0		10+10+2	0+0+0	
4		TD5+TD3	7:25	18+4	0+0		14+8	0+0	
5		CLO+BK9+CTK3	7:25	14+7+1	0+0+0		11+5+5	0+0+0	
6		GTCl+VSP02	9:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
7		TD1+PPD	9:25	12+10	0+0		6+16	0+0	
8		CTK3+CNV+P8	9:25	15+7+0	0+0+0		13+6+2	0+0+0	
9		PVD1+BK14+P2	9:25	11+11+0	0+0+0		7+8+7	0+0+0	
10		VSP02+P5	11:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
11		PVD6+PPD	11:25	12+10	0+0		8+14	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
-3 NGUOI XNKT ĐI TD5 QUA ĐIỂM BK14; 1 XNCD ĐI P2 QUA TD3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2019	TO: AMD - TGTH4 - TGTH1	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:25
FLIGHT: VSP	FROM: VT	CREW: Dũng - CÔNG	ETA: 09:45
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN HOANG	AMD	93-94	2	12		70	VR/VSP	Vietnamese
2	NGUYEN THUY HAI	AMD	95,300	2	9		73	VR/VSP	Vietnamese
3	BUI SY QUYEN	AMD	96	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN LE HOA	AMD	97	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HIEU THAO	AMD	92	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN NGOC PHUC	AMD	89	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH HA	AMD	91	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN BA QUAN	AMD	98-99	2	13	80	78	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN DONG	AMD	2000	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VAN PHANG	AMD	95	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	87	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	90	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	31-32	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUC NHA	TGTH4	35-36	2	12		53	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN HUU DANG	TGTH4	33-34	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN TAN TRI	TGTH1	59	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
17	HO TRAN PHUONG DONG	TGTH1	60	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	15	95	806	80	13	1	CHUYEN 01 PAX AMD SANG TGTH1
2	TGTH4	3	6	33	213	0	1		
3	TGTH1	2	2	16	134	0	5		
TOTAL		17	23	144	1.153	80	19		
WEIGHT KG				144	1.153	80			

GRAND TOAL: 1.377 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2019	TO: TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHaì - MTHẮNG - HTNam	ETA: 09:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOIEV M.M	TD3	92	1	10		98	KHOAN	Russian
2	TRẦN VĂN THỌ	TD3	79	1	3	30	66	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN BÁT	TD3	74	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
4	TRANG NGỌC HÙNG	TD3	93	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
5	TÔ THANH HẢI*PK-PVD	TD3	70	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	69	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
7	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	94	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	73	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ MẠNH THẮNG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VĂN CHUNG	TD3	71	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ LONG PHI	TD3	75	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	BUI ANH TU	TD3	96	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TỰ HỢP	TD3	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ DŨ	TD3	300	1	10		63	CODIEN	Vietnamese
16	BUI BẠCH DƯƠNG	TD3	97	1	10		70	DVL	Vietnamese
17	HOANG GIANG LAM	TD3					84	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH MUỘI	TD3	98	1	5		75	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN LỰC	TD3	99	1	8		91	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD3	77	1	5		78	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	78	1	3		63	PSV	Vietnamese
22	HỒ SỸ THANH	TD3	76	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

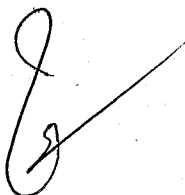
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	20	125	1.610	30	22		
	TOTAL	22	20	125	1.610	30	22		
	WEIGHT KG			125	1.610	30			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2019	TO: CTK3 - TD1 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	73	1	12	45	81	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG THANH HOA	CTK3	75	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG HA	CTK3				35	67	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TIEN DUNG	CTK3	79	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG VAN MANH	CTK3	78	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CUONG A	CTK3	80	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
7	VU CONG KHANG	CTK3	77	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	87	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO VĂN TRI	CTK3	88	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC HUNG	CTK3	81	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN MINH	CTK3	74	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN BAC	CTK3					53	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐAO THE HUNG	CTK3	76	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	94	1	8	20	75	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN TAT THANG	TD1	60	1	5		64	YTE	Vietnamese
16	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	99	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
17	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	97	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN GIANG	TD1	98	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG NGOC SON	TD1	96	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ ĐÌNH ĐOÀN	TD1	700	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN VAN PHONG	TD1	62	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
22	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	95	1	3		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	11	65	807	80	10		
2	TD1	9	9	44	581	20	10		
3	P7	0	0	0	0	22	2		
TOTAL		22	20	109	1.388	122	22		
WEIGHT KG				109	1.388	122			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2019	TO: TD5 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

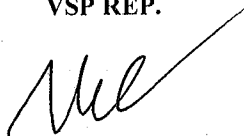
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRONG HACH	TD5	26	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
2	BELAIEV	TD5	24	1	10		80	KH-THAC	Russian
3	HO NGOC BEN	TD5	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG VU	TD5	29	1	15	30	78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH DUY THANH	TD5	23	1	10	50	72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THE	TD5	20	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN THIEU	TD5	25	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DAM	TD5	13	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
9	BUI MINH TUAN*PK-PVD	TD5	27-28	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN LUAN	TD5					65	KHOAN	Vietnamese
11	DAO THANH SON	TD5	17	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VINH DUY	TD5	18	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TU DO	TD5	22	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
14	LE LONG	TD5	15-16	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
15	DO THANH HAI	TD5	19	1	5		70	DVL	Vietnamese
16	VU NGOC QUANG	TD5	21	1	5		78	DVL	Vietnamese
17	CAO KINH THAO	TD5	36	1	10		70	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU DUC	TD5	34-35	2	14		75	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN	TD3	67	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LAP	TD3	66	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN HAI	TD3					63	PSV	Vietnamese
22	PHAN CHINH QUY	TD3	68	1	5		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	20	141	1.292	80	14		
2	TD3	4	3	15	275	0	8		
TOTAL		22	23	156	1.567	80	22		
WEIGHT KG				156	1.567	80			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

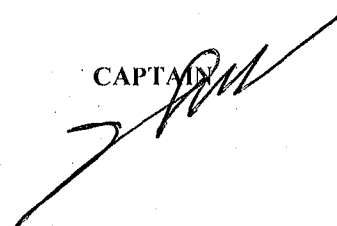
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2019	TO: CLO - BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Vận - TÙNG - Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUKHOMLIN I.N	CLO	50	1	7		122	KHOAN	Russian
2	TU QUỐC VIỆT	CLO	63	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	59	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN KHANG	CLO	57	1	3	40	74	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC AN	CLO					80	KHOAN	Vietnamese
6	VU VĂN QUYNH	CLO	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	51	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THẾ NHƯ	CLO	52	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HỘI	CLO	55	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	58	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	CLO	61	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG THANH MINH	CLO	62	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LONG	CLO	53-54	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
14	HUYNH XUÂN SĨ	CLO	60	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU VĂN SƠN	BK9					78	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ THẾ HẬU	BK9					72	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRƯỜNG AN	BK9	55	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	13	1	3	40	73	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI MINH HAI	BK9	78	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI SINH CUNG	BK9	53-54	2	14		60	T-TIN	Vietnamese
21	BUI ĐỨC KHANH	BK9					60	PSV	Vietnamese
22	NGO SY DUC	CTK3	58	1	13	10	85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	14	80	1.023	40	11		
2	BK9	7	5	29	498	40	5		
3	CTK3	1	1	13	85	10	5		
TOTAL		22	20	122	1.606	90	21		
WEIGHT KG				122	1.606	90			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2019	TO: GTC1 - VSP02	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - HTNam	ETA: 11:40
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BÀI	GTC1	31	1	12	60	67	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIẾU	GTC1	32	1	15	50	76	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI QUỐC CƯỜNG	GTC1	30	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH BÌNH	GTC1	29	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
5	EDUARD YANDYAN	VSP02	32	1	10		78	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	56	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO DUY HOÀN	VSP02	361	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MINH TÂN	VSP02	58	1	8		82	YTE	Vietnamese
9	LƯU VĂN KHUÔNG	VSP02	50	1	5		60	CHI CỤC Đ	Vietnamese
10	BODAN KARPENKO	VSP02	59	1	10		85	KH-THAC	Russian
11	SERGIENKO SERGEY	VSP02	33	1	4		72	KH-THAC	Russian
12	BUI ANH SƠN	VSP02	55	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	GEFMAN M R	VSP02	60	1	7		102	KH-THAC	Russian
14	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	51	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH HOÀN	VSP02	57	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	52	1	7		94	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	62	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRUNG SÔNG	VSP02					89	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN LƯƠNG HÀ	VSP02	34	1	6	45	63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGO ĐỨC TRI	VSP02	53-54	2	7		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

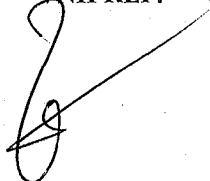
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	4	4	39	265	110	1		
2	VSP02	18	16	90	1.351	45	21		
TOTAL		22	20	129	1.616	155	22		
WEIGHT KG				129	1.616	155			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

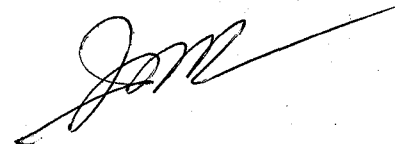
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2019	TO: TD1 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Luy	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ VĂN HẬU	TD1	27	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY KIẾN	TD1	25	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM TIẾN VINH	TD1	28	1	11		88	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ THẾ HÙNG	TD1	30	1	11		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD1	26	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HỮU HẬU	TD1	29	1	6	42	70	KHOAN	Vietnamese
7	AGUS RIADIANSYAH	TD1				25	110	BAKER HUC	Indonesian
8	KIEU TUẤN ANH	TD1	23	1	7		88	DVL	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH TUẤN	TD1	22	1	12		84	DVL	Vietnamese
10	TRẦN ANH VINH	TD1	24	1	8		60	DVL	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HƯƠNG	TD1	21	1	10		60	SHINTRAC	Vietnamese
12	HÀ VĂN HAI	TD1	19-20	2	11		70	SHINTRAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	55	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẦN VĂN THẮNG	PPD	50	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DANH TUẤN	PPD	56	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VINH	PPD	53	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẦN VĂN ĐƯƠNG	PPD	54	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ QUANG HUY	PPD				65	70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	57	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NHÀ	PPD	51-52	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG NHẬT QUANG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	12	12	98	884	67	6		
2	PPD	10	8	37	666	65	16		
TOTAL		22	20	135	1.550	132	22		
WEIGHT KG				135	1.550	132			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2019	TO: CTK3 - CNV - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - MQUÂN	ETA: 11:35
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	64	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	72	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VIỆT HÙNG	CTK3	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CUÔNG B	CTK3	73-74	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	75-76	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG VĂN HAI	CTK3	62-63	2	15		84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	61	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	60	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HÀ	CTK3	67	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	65	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	68	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ANH HÙNG	CNV	91	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	86,95	2	18	50	73	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN SƠN	CNV	90	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	87	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC TRI	CNV					68	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG HAI	CNV	92	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CNV	89	1	4		90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	17	95	1.054	0	13		
2	CNV	7	7	48	544	50	6		
3	P8	0	0	0	0	23	2		
TOTAL		22	24	143	1.598	73	21		
WEIGHT KG				143	1.598	73			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2019	TO: PVD1 - BK14 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Vận - TÙNG - Trường	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY KHIÊM	PVD1	14	1	10		71	D-HANH	Vietnamese
2	DUƠNG THAI SƠN	PVD1	13	1	12		70	DVL	Vietnamese
3	PHAN THIÊN SƠN	PVD1	18	1	10		65	DVL	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC THAI	PVD1	03-04	2	17		84	DVL	Vietnamese
5	VŨ VĂN TUYẾN	PVD1	07-08	2	18		72	DVL	Vietnamese
6	BUI VĂN CUÔNG	PVD1	05-06	2	15		65	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HIẾU	PVD1	09-10	2	14	12	71	DVL	Vietnamese
8	HỒ CHÍ HUNG	PVD1	11-12	2	15		63	DVL	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC HAI	PVD1	16-17	2	17		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC PHÁT	PVD1	15	1	12		85	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	PVD1	01-02	2	15		75	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC KHÔI	BK14	32	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN HIẾU	BK14	31	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THAI THANH	BK14	37	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
15	IAKIMIDY	BK14	59	1	10		96	KH-THAC	Russian
16	LUƠNG XUÂN THANH	BK14	39	1	5	20	75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ANH TUÂN	BK14	40	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
18	LUƠNG TUÂN ANH	BK14	38	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU SỸ	BK14	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG XUÂN SƠN	BK14	35-36	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HIỆP	BK14	33-34	2	21		85	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC NINH	BK14	42	1	4		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	11	18	155	791	12	7		
2	BK14	11	13	113	868	20	8		
3	P2	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	31	268	1.659	32	22		
WEIGHT KG				268	1.659	32			

GRAND TOAL: 1.959 KGS

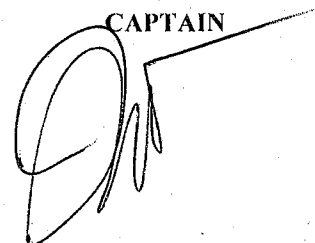
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/01/2019	TO: VSP02 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TTrung - Phong - Luy	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN HIỆP	VSP02	73	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY PHUC	VSP02	80	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN GIA KHANH	VSP02	88	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	68	1	8	85	71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN GIA LONG	VSP02					73	KH-THAC	Vietnamese
6	TÀ VẠN CUÔNG	VSP02	87	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VĂN BÌNH	VSP02	65	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUỐC CHIẾN	VSP02	78	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MINH DAN	VSP02					68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	77	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LUƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	76	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	79	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	74	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUY THÔNG	VSP02	75	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	66-67	2	9		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NHƯ Y	VSP02	83-84	2	10		60	CODIEN	Vietnamese
18	HOANG MINH HAI	VSP02	81-82	2	15		76	CODIEN	Vietnamese
19	HOANG MINH NGỌC	VSP02	85	1	9		65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN DANH TRUNG	VSP02	69-70	2	18		67	CODIEN	Vietnamese
21	LE VAN DUNG	VSP02	71-72	2	10		50	CODIEN	Vietnamese
22	BUI VAN HUY	VSP02	89	1	10		66	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	25	160	1.517	85	21		
2	P5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	25	160	1.517	85	22		
WEIGHT KG				160	1.517	85			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/01/2019	TO: PVD6 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - MQUÂN	ETA: 13:45
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NAM TRUNG	PVD6	85	1	17		90	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TUẤN ANH	PVD6	80	1	5		85	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC MINH	PVD6	74-75	2	10	80	65	CODIEN	Vietnamese
4	LÊ HỮU THANH	PVD6	83-84	2	16		62	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TUNG	PVD6	90	1	10	60	67	CODIEN	Vietnamese
6	ĐO QUỐC THANH MINH	PVD6	88-89	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
7	KIM NHẬT THANH	PVD6	86	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG PHÚC	PVD6	87	1	15		86	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN SANH TRƯỜNG	PVD6	76-77	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN LÊ ANH HUY	PVD6	91	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
11	AZREE HAZWAN BIN BAHAUDIL	PVD6	81-82	2	17		86	NHATHAU	Malaysian
12	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	62	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KHOI	PPD	63	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HOANG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	67	1	5	5	60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	68	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ SỸ KHOA	PPD	64	1			68	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ XUÂN MINH	PPD	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD					68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	11	16	142	801	140	8		
2	PPD	10	7	30	664	5	14		
TOTAL		21	23	172	1.465	145	22		
WEIGHT KG				172	1.465	145			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Hoa



LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+CLI	7:25	16+6	0+0		12+8	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2019	TO: TD2 - CLI	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hạnh - QViệt - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOROSHENKO M.K	TD2	35	1	5	12	95	KHOAN	Russian
2	LÊ ĐỨC THO	TD2	37	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ MINH ĐỨC*TT	TD2	41	1	4		92	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	39	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
5	HÀ VĂN LINH	TD2	38	1	5		91	KHOAN	Vietnamese
6	VU ĐỨC THANH	TD2	40	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
7	VU THẬP TOÀN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN NAM	TD2					81	KHOAN	Vietnamese
9	MAI ĐỨC THÂN	TD2	31	1	7	20	70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	34	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	30	1	8		54	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	36	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THỊ TRÀ	TD2	24-25	2	15		70	SCHLUMBE	Vietnamese
14	SARANG BABANRAO	TD2	26	1	7	15	70	SCHLUMBE	Indian
15	DHA VAL GUPTA	TD2	33	1	15	15	95	SCHLUMBE	Indian
16	MAKSIM KULEMIN	TD2	29	1	6	12	82	SCHLUMBE	Russian
17	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	CLI	93	1	18		70	CODIEN	Vietnamese
18	VÔ NGỌC THAI SƠN	CLI	98,51	2	18		63	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ TRỌNG ĐỨC	CLI	96	1	7	20	70	CODIEN	Vietnamese
20	LÊ NGỌC HIỆP	CLI	54	1	4	17	81	CODIEN	Vietnamese
21	NGO KIM LAM	CLI	56	1	12	13	73	CODIEN	Vietnamese
22	LÊ HỮU TUÔNG	CLI	94-95	2	9		65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	15	90	1.196	74	12		
2	CLI	6	8	68	422	50	8		
TOTAL		22	23	158	1.618	124	20		
WEIGHT KG				158	1.618	124			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/01/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+CLO+PVD1	7:25	19+3+0	0+0+0		9+3+0	0+0+0	CHUYỂN 10 PAX TỪ CLO- PVD1
2		RP2+TD5+TD3	9:25	6+13+1	0+0+0		1+12+9	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/01/2019	TO: TD3 - CLO - PVD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRUỖNG - Huy	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THẮNG	TD3					82	KHOAN	Vietnamese
2	BUI MINH TRI	TD3	19-20	2	14		80	T-TIN	Vietnamese
3	PHAN TRÚC TUYEN	TD3	09	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
4	LUU QUYET THANG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THANH DUNG	TD3	13	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG HUY LONG	TD3	23	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG DINH ĐỊNH	TD3	10	1	4	50	62	KHOAN	Vietnamese
8	PHUNG VAN XUYEN	TD3	18	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	14	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
10	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	12	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THIÊN TUẤN	TD3	08	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VAN NGHIA	TD3	17	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN MUỘI	TD3	07	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
14	MAI TUẤN KIẾT	TD3	21	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐÔNG HÙNG	TD3	11	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ DUY NGỌC	TD3	22	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ NGỌC TỰ	TD3	24	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN QUY	TD3	15	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VIỆT HUAN	TD3	16	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	CLO	66	1	15		68	DVL	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ĐAM	CLO	67	1	7	35	70	DVL	Vietnamese
22	VŨ CHÍ THANH	CLO	68	1	10		72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

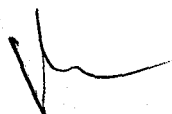
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	18	134	1.336	50	9		CHUYEN 10 PAX CLO SANG PVD1
2	CLO	3	3	32	210	35	3	10	
3	PVD1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	21	166	1.546	85	12		
WEIGHT KG				166	1.546	85			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/01/2019	TO: RP2 - TD5 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - Huy	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRỌNG	RP2	44-45	2	16		78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HỒNG LINH	RP2	43	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG PHONG	RP2	46	1	12	58	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TRI	RP2	47	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN TRI	RP2	41	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VŨ THUẬT	RP2	42	1	5		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	56	1	5	15	68	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	51	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
9	VÕ SI HOAI THANH	TD5	59-60	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN HOANG LAM	TD5	49	1	8	34	70	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH HOÀNG KHÁNH	TD5	54	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	48	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NGOC DANH	TD5	50	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TIẾN DUNG	TD5	53	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ HUY TIẾN HAI	TD5	61	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	52	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	55	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	58	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	TD5	57	1	12		55	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TÂN PHONG	TD3	82-83	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THANH NAM	TD3	84-85	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

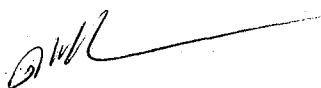
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	6	7	55	416	58	1		
2	TD5	13	14	82	874	49	12		
3	TD3	2	4	32	130	0	9		
TOTAL		21	25	169	1.420	107	22		
WEIGHT KG				169	1.420	107			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

